

BÀI 14. NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC

I MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên lược đồ treo tường.
- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.
- Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên; trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống cội nguồn có từ thời dựng nước.

II CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực.
- Lược đồ lãnh thổ Việt Nam ngày nay, phiếu học tập.
- Máy tính, máy chiếu; giấy A0 (nếu có).

2. Học sinh

SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

- GV cần bám sát yêu cầu cần đạt trong Chương trình, dựa vào nội dung biên soạn trong SGK để hình thành những kiến thức cơ bản cần nắm vững cho HS.
- Bài này chỉ yêu cầu HS nắm được những thông tin cơ bản nhất về khoảng thời gian thành lập; xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên lược đồ; tổ chức bộ máy nhà nước và nét chính trong đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. GV lưu ý không sa đà vào việc lấy các tài liệu truyền thuyết, cổ tích để thay thế hoàn toàn cho các tri thức khoa học lịch sử ở giai đoạn này.
- Bài học này được thiết kế thành ba mục nhỏ. Tùy theo cách tiếp cận bài học mà GV có thể linh hoạt phân chia thời lượng từng mục nhỏ trong tổng thời lượng của bài phù hợp.

– Để giúp HS dễ hiểu, dễ hình dung nội dung kiến thức, tăng tính tương tác giữa HS với HS, giữa HS với GV, những ví dụ, dẫn chứng, tư liệu minh họa là cần thiết. GV cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung những học liệu bổ sung này để đảm bảo tính chính xác, không quá tải hoặc quá dàn trải và tăng hiệu quả khi sử dụng.

– Để dạy học các bài trong SGK *Lịch sử và Địa lí 6 – phần Lịch sử* nói chung và dạy học bài này nói riêng, GV cần dựa trên quan điểm dạy học lấy HS làm trung tâm, cần xuất phát từ mục tiêu: “HS làm được gì sau khi học xong bài học”,... để lựa chọn phương pháp, cũng như nội dung dạy học phù hợp.

– Căn cứ vào mục đích, yêu cầu của bài học (được xây dựng dựa trên yêu cầu cần đạt của Chương trình) để lựa chọn, kết hợp sử dụng một số phương pháp, hình thức dạy học lịch sử phù hợp.

– GV cần khắc phục lối truyền thụ một chiều: GV giảng, HS ghi chép lại. Tổ chức các hoạt động học tập cho HS: khai thác tư liệu, làm việc cá nhân/thảo luận nhóm, thuyết trình, báo cáo kết quả trước lớp, suy luận, nhận xét, nêu ý kiến phản biện,... Thông qua đó góp phần từng bước hình thành các năng lực môn học cho HS.

IV GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu

– GV có thể sử dụng câu hỏi khai thác và hình 1 trong SGK để tổ chức hoạt động mở đầu bài mới, kích thích HS hứng thú với bài học. Câu hỏi: *Điều gì đã thôi thúc nhân dân ta luôn hướng về mảnh đất cội nguồn?* nhằm gợi mở cho HS hướng đến những thành tựu, giá trị văn hoá truyền thống mà Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc đã để lại từ buổi đầu dựng nước.

– GV có thể linh hoạt tổ chức hoạt động mở đầu bài học bằng các hình thức khác. Ví dụ: Chiếu trên màn hình tờ lịch ngày 10 – 3 âm lịch rồi dẫn dắt về ý nghĩa của lễ hội Đền Hùng.

– “*Em đã từng nghe truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên chưa? Nếu đã từng thì hãy kể lại văn tắt nội dung truyền thuyết này. Truyền thuyết này nói lên điều gì?* Câu hỏi này cho phép HS được bày tỏ suy nghĩ theo góc nhìn của cá nhân. Tuy nhiên, để định hướng tốt hơn, GV có thể đặt các câu hỏi nhỏ khác như: “*Em hãy chỉ ra những điểm vô lí trong truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên*” (Lạc Long Quân là con của Kinh Dương Vương và thần Long Nữ, là người thần, giống Rồng, đi lại được dưới nước, Âu Cơ là giống Tiên; Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, nở ra 100 người con); “*Nếu vô lí thì vì sao đến nay, người Việt vẫn coi nhau là “đồng bào” và tự coi mình là Con Rồng cháu Tiên?*” (Vì truyền thuyết này có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hoá tinh thần của người Việt và người Việt luôn tự hào về nòi giống dân tộc mình,...); sau đó dẫn dắt vào bài học.

2. Hình thành kiến thức mới

Mục 1. Nhà nước đầu tiên của người Việt cổ

a) Nội dung chính

– Vào khoảng thế kỉ VII TCN, nhà nước đầu tiên ở Việt Nam ra đời – Nhà nước Văn Lang;

– Địa bàn chủ yếu của nước Văn Lang gắn liền với lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.

– Tổ chức Nhà nước Văn Lang: Ở Trung ương, đứng đầu là Hùng Vương, giúp việc cho Hùng Vương là lạc hầu; Ở địa phương, lạc tướng đứng đầu các bộ (có 15 bộ); bổ chính đứng đầu chiềng, chạ.

b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác

– GV chú ý trên thực tế có nhiều quan điểm khác nhau về phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc:

+ Quan điểm theo chính sử và thư tịch chép từ thời Hậu Lê (như *Đại Việt sử ký toàn thư*) cho rằng vị trí của nước Văn Lang: “Đông giáp biển Nam Hải, nam giáp nước Hồ Tôn (còn gọi là Chăm-pa), tây đến Ba Thục (Tứ Xuyên, Trung Quốc), bắc đến hồ Động Đình (Hồ Nam, Trung Quốc)”.

+ Quan điểm coi khu vực sông Hồng, sông Cả, sông Mã (tương ứng với khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ hiện nay) chính là địa bàn hình thành Nhà nước Văn Lang.

+ Quan điểm xác định không gian của Nhà nước Văn Lang tương ứng với hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân về sau, tức bao gồm Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ (Việt Nam) và một phần phía nam Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc).

– Trong ba quan điểm trên, quan điểm thứ nhất không đúng vì các sử gia thời phong kiến có thể có sự nhầm lẫn cương vực của nước Văn Lang (gắn với tộc người Lạc Việt) với địa bàn của các tộc người sống ở phía Nam sông Trường Giang vốn được nhiều học giả gọi là “Bách Việt”. Quan điểm thứ hai và thứ ba hiện cũng chưa có sự thống nhất hoàn toàn trong giới nghiên cứu Sử học. Trên thực tế, rất khó có thể xác định được chính xác (tuyệt đối) địa bàn của nước Văn Lang, Âu Lạc. GV định hướng cho HS hiểu và chỉ trên lược đồ treo tường.

– *Hình 2. Sơ đồ tổ chức Nhà nước Văn Lang*: GV chú ý giải thích cho HS một cách đơn giản nhất để giúp các em hiểu tổ chức Nhà nước Văn Lang còn rất sơ khai, đơn giản, không giống như mô hình một nhà nước quân chủ sau này.

Đứng đầu nhà nước là Hùng Vương, thực chất là thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc (nhà nước sơ khai). Chữ “Vương” nghĩa là “vua”, sau này sử chép mới có, chữ “Hùng” có thể bắt nguồn từ cách phiên âm một từ cổ nghĩa là “thủ lĩnh/người đứng đầu”. Giúp việc cho vua có các lạc hầu. Ở địa phương, đứng đầu mỗi bộ (tương truyền nước Văn Lang có 15 bộ) là lạc tướng; các kê/chiềng/chạ chính là các đơn vị làng xã sau này do bổ chính (già làng) đứng đầu.

c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin để thực hiện yêu cầu sau: *Hãy xác định phạm vi không gian của nước Văn Lang trên lược đồ.*

+ Trước hết, GV gọi một số HS kể tên những con sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ trên lược đồ (đó là sông Hồng, sông Mã, sông Chu, sông Cả,...).

+ Tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi và tập xác định trên lược đồ phạm vi không gian của nước Văn Lang. Sau đó, gọi đại diện một số cặp đôi lên chỉ trên lược đồ. GV cần nhấn mạnh ý như ở mục b đã lưu ý.

Yêu cầu cần đạt: HS biết xác định trên lược đồ treo tường phạm vi không gian của nước Văn Lang (chủ yếu là lưu vực các con sông lớn: sông Hồng, sông Mã, sông Cả).

– GV có thể mở rộng cho HS tìm hiểu về sự ra đời Nhà nước Văn Lang dựa trên những cơ sở nào, điều này giúp HS rèn luyện kĩ năng liên hệ, phân tích, so sánh.

Trong khi thực hiện hoạt động này, GV có thể gợi ý cho HS thảo luận và tìm hiểu truyền thuyết *Sơn Tinh – Thủy Tinh*, *Thánh Gióng* để tìm câu trả lời bởi truyền thuyết tuy là một thể loại văn học dân gian nhưng thường chứa đựng yếu tố tưởng tượng, kì ảo, các nhân vật, sự kiện đều liên quan đến lịch sử.

Yêu cầu cần đạt: HS nêu được: Do sự phát triển của công cụ đồng và sắt nên đời sống sản xuất có sự chuyển biến, cùng với nhu cầu làm thủy lợi (thể hiện qua truyền thuyết *Sơn Tinh – Thủy Tinh*) và chống ngoại xâm (thể hiện qua truyền thuyết *Thánh Gióng*) đã thúc đẩy sự ra đời Nhà nước đầu tiên – Nhà nước Văn Lang. GV nhấn mạnh đó là điểm tương đồng với sự hình thành các nhà nước phương Đông khác.

– GV cho HS thảo luận nhóm hoặc cặp đôi và ghi lại những thông tin chính về: thời gian ra đời, thủ lĩnh (vua), tên nước, kinh đô của Nhà nước Văn Lang.

+ GV đặt câu hỏi yêu cầu HS đọc thông tin kết hợp với quan sát sơ đồ hình 2, để giúp HS nhận biết được tổ chức bộ máy, đặc điểm của Nhà nước Văn Lang: Đứng đầu nhà nước là Hùng Vương, thực chất là thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc (nhà nước sơ khai). Giúp việc cho vua có các lạc hầu. Ở địa phương, đứng đầu mỗi bộ (tương truyền nước Văn Lang có 15 bộ) là lạc tướng; các kẻ/chiềng/chạ chính là các đơn vị làng xã sau này do bộ chính (già làng) đứng đầu.

+ GV cũng có thể mở rộng cho HS: *Em có nhận xét gì về tổ chức Nhà nước Văn Lang?* HS có thể thảo luận, dựa vào sơ đồ để rút ra nhận xét. Với yêu cầu này, GV đi đến kết luận cho HS: Tổ chức Nhà nước Văn Lang đã được hình thành từ Trung ương đến địa phương nhưng còn rất sơ khai, đơn giản.

– GV cho HS đọc thông tin để nhận biết rõ thời gian ra đời (thế kỉ VII TCN) và địa bàn chủ yếu (khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) của Nhà nước Văn Lang.

Yêu cầu cần đạt: HS nhận thức được cách đây 2 700 năm, Nhà nước Văn Lang ra đời – mốc đánh dấu lịch sử dựng nước của người Việt, phù hợp với những bằng chứng khảo cổ học (văn hoá Đông Sơn), những mốc thời gian khác như “cách đây 4 000 năm” hoặc “nước ta có lịch sử 4 000 năm dựng nước” là không hợp lí.

– HS có thể thảo luận theo nhóm và trình bày trước lớp về “*Ý nghĩa của sự ra đời Nhà nước Văn Lang*”, sau đó đại diện nhóm lên trình bày. Các nhóm khác có thể bổ sung để đầy đủ hơn.

Yêu cầu cần đạt: HS nêu được ý nghĩa: Nhà nước Văn Lang ra đời đã mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc, và có thể mở rộng thêm: Sự kiện này là dấu mốc kết thúc thời kì nguyên thủy trên đất nước Việt Nam, tạo cơ sở tiền đề cho sự hình thành và phát triển nền văn minh của thời kì dựng nước trong lịch sử Việt Nam.

Mục 2. Sự ra đời nước Âu Lạc

a) Nội dung chính

– Thời gian thành lập: khoảng năm 208 TCN.

- Phạm vi không gian lãnh thổ của nước Âu Lạc: mở rộng hơn so với nước Văn Lang.
- Tổ chức nhà nước: không có nhiều thay đổi so với Nhà nước Văn Lang; quyền lực nhà vua được mở rộng hơn.

- Có quân đội mạnh, vũ khí tốt, đặc biệt có thành Cổ Loa.
- Chuyển kinh đô xuống vùng Cổ Loa (Hà Nội).

b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Hình 3. Sơ đồ thành Cổ Loa:* GV hướng dẫn HS cách đọc thông tin trong lược đồ để xác định khu vực cổng thành, thành nội, thành trung, thành ngoại của thành Cổ Loa. Đây là một công trình kiến trúc độc đáo được xây dựng theo hình xoáy tròn ốc, có ba vòng khép kín với tổng chiều dài là 16 000m.

Nếu lớp học có máy chiếu, GV cũng nên cho HS xem thêm những đoạn phim tư liệu giới thiệu về Khu di tích thành Cổ Loa để HS dễ hình dung hơn về không gian và dấu vết kiến trúc của toà thành hiện nay.

- *Hình 4. Lẫy nỏ và mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa:* Từ truyền thuyết về nỏ thần đến thực tế lịch sử là hàng vạn mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa, các loại vũ khí tìm thấy thành Cổ Loa kiên cố, vững chắc đã chứng minh sức mạnh quân sự của Nhà nước Âu Lạc có sự phát triển hơn so với Nhà nước Văn Lang trước đó.

c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học

- Trước hết, GV có thể dẫn dắt bằng việc giải thích nguồn gốc của tên gọi Âu Lạc: đó là dựa trên cơ sở hợp nhất hai tộc người Tây Âu, còn gọi là Âu Việt với Lạc Việt. GV định hướng cho HS hiểu tên gọi này xuất phát từ tinh thần hợp nhất dân tộc.

GV cho HS khai thác thông tin trong SGK để xác định trên lược đồ lãnh thổ Việt Nam ngày nay (treo tường) phạm vi không gian của nước Âu Lạc.

Yêu cầu cần đạt: HS xác định được phạm vi không gian nhà nước Âu Lạc và rút ra được nhận xét: Lãnh thổ Âu Lạc được mở rộng hơn so với Nhà nước Văn Lang.

- GV cho HS khai thác thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Nước Âu Lạc ra đời trong bối cảnh nào?*

+ HS thảo luận cặp đôi, sau đó đại diện cặp đôi lên trình bày trước lớp.

Yêu cầu cần đạt: HS nêu được: Cuối thế kỉ III TCN, để chống lại sự xâm lược của nhà Tần, người Lạc Việt và Âu Việt đã đoàn kết nhau lại, cử Thục Phán lãnh đạo cuộc kháng chiến. Thục Phán lên ngôi vua, xưng gọi là An Dương Vương, lập ra nước Âu Lạc vào năm 208 TCN.

- GV đặt câu hỏi và tổ chức HS thảo luận nhóm: *Nhà nước Âu Lạc có điểm gì giống và khác so với Nhà Nước Văn Lang?*

Yêu cầu cần đạt: HS chỉ ra được: Quyền lực của nhà vua được tăng cường hơn. Vị trí đóng đô có sự dịch chuyển từ miền núi Phong Châu xuống miền đồng bằng vùng Cổ Loa. Sức mạnh quân sự của Nhà nước Âu Lạc được đề cao với việc xây dựng hệ thống thành lũy và tạo nhiều loại vũ khí lợi hại,...

- Do thông tin trong SGK rất ngắn gọn và giản lược, GV có thể tìm hiểu thêm thông

tin bổ sung. Ví dụ, GV có thể khai thác thêm câu chuyện truyền thuyết về thành Cổ Loa với mục đích:

+ Cho HS thấy được nét chính trong câu chuyện về thành Cổ Loa và Nhà nước Âu Lạc, từ quá trình xây dựng thành và sức mạnh quân sự đến khi bị rơi vào tay ngoại bang xâm lược.

+ Kết hợp sơ đồ hình 3, giúp HS biết được: Thành Cổ Loa gồm ba vòng khép kín được xây theo hình xoáy tròn ốc, có hào bao quanh phía ngoài, các hào nối với nhau và nối với sông Hoàng,... Nhờ vậy, dù nhiều lần bị quân của Triệu Đà tấn công, nhưng nhờ có thành cao, hào sâu, vũ khí tốt (lấy nỏ và mũi tên đồng) nên quân dân Âu Lạc đã lần lượt đánh bại các cuộc tấn công của quân xâm lược. Đó là một biểu tượng của nền văn minh Việt cổ rất đáng tự hào, minh chứng cho trí tuệ của người Việt cổ trong bối cảnh cách đây 2 000 năm, khi trình độ kĩ thuật chung còn rất thấp kém.

- Tùy đặc điểm nhận thức ở từng đối tượng HS, GV còn có thể định hướng thảo luận: *Nước Âu Lạc thời An Dương Vương có thể mạnh hơn Văn Lang, xây dựng thành Cổ Loa kiên cố và nhiều vũ khí tốt, vì sao lại mất nước?* Từ đó, GV có thể chỉ rõ cả nguyên nhân từ phía kẻ xâm lược (Triệu Đà âm mưu, xảo quyệt,...) cùng nguyên nhân từ chính vua Thục (chủ quan, thiếu phòng bị cần thiết,...) và nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan là yếu tố quan trọng nhất. Trên cơ sở đó, giúp HS tự rút ra được bài học về việc mất nước.

- GV nên bổ sung thêm thông tin để giải thích rõ hơn: Nước Âu Lạc được thành lập năm 208 TCN nhưng chỉ tồn tại được mấy thập kỉ. Năm 179 TCN, Âu Lạc bị nước Nam Việt, đứng đầu là Triệu Đà (Trung Quốc) chiếm. Sự kiện thành Cổ Loa bị Triệu Đà chiếm đã đặt dấu chấm hết nền độc lập của Nhà nước Âu Lạc và khép lại thời đại dựng nước ở Việt Nam. Để giờ học sinh động, GV cho HS sưu tầm cốt truyện của truyền thuyết *Mị Châu - Trọng Thủy* và tổ chức cho HS tập đóng vai trong một trích đoạn kịch ngắn về truyền thuyết này.

Mục 3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

a) Nội dung chính

- *Đời sống vật chất:*

+ Nghề nông trồng lúa nước cùng với việc khai khẩn đất hoang, làm thủy lợi.
+ Nghề luyện kim với nghề đúc đồng và rèn sắt đạt nhiều thành tựu rực rỡ (trống đồng, thạp đồng).

+ Nguồn thức ăn và nhà ở.

+ Trang phục và cách làm đẹp.

- *Đời sống tinh thần:* Tục thờ cúng tổ tiên và thờ các vị thần trong tự nhiên; tục xăm mình, nhuộm răng, ăn trâu,... ; các lễ hội gắn với nông nghiệp trồng lúa nước.

b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác

- *Hình 5. Lưỡi cày đồng hình bướm:* Đây là một trong những loại hình công cụ lao động tiêu biểu thuộc thời đại đồ đồng. Hiện vật này minh chứng cho quá trình chuyển biến từ nông nghiệp dùng cuốc đá sang nông nghiệp dùng cày đồng, đánh dấu bước chuyển lớn về đời sống vật chất của cư dân Việt cổ.

– Hình 6. *Hoạ tiết trên trống đồng Ngọc Lũ*: Trong các loại trống đồng Đông Sơn, trống đồng Ngọc Lũ được coi là tiêu biểu nhất. Trống như một bộ sử thu nhỏ giúp người đời sau phần nào hiểu được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Việt cổ thời Văn Lang – Âu Lạc. Trên trống, chúng ta tìm được nhiều kiểu hoạ tiết, hoa văn phong phú, trong đó có hoạ tiết mái nhà cong, hoạ tiết hình thuyền, hoạ tiết người già gào,...

– Hình 7. *Trang phục và kiểu tóc của người Việt cổ (hình trang trí trên cán dao găm bằng đồng)* cho chúng ta biết phần nào về đời sống vật chất của người Việt cổ. Ngay từ thời Văn Lang – Âu Lạc, người Việt đã biết để nhiều kiểu tóc như tết tóc, búi tóc, để xoã ngang vai. Họ cũng biết dùng đồ trang sức làm từ nhiều nguyên liệu khác nhau (đá, đồng, vỏ nhuyễn thể). Trang phục phổ biến bấy giờ là nam đóng khố, cởi trần, nữ mặc váy và yếm; ngày lễ nam, nữ đội thêm mũ lông chim, đeo trang sức,...

– Hình 8. *Hình người múa hát được miêu tả trên trống đồng*: giúp chúng ta hình dung phần nào về đời sống tinh thần khá phong phú, sinh động của người Việt cổ với nhiều hoạt động ca hát, nhảy múa và những lễ hội mang đậm đặc trưng của kinh tế nông nghiệp.

c) *Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học*

Mục a. Đời sống vật chất

– GV có thể cho HS quan sát những hình ảnh (hình 6, 7, 8 trong SGK) hoặc trên màn hình trình chiếu kết hợp khai thác thông tin trong mục a. Đời sống vật chất và thực hiện yêu cầu: *Mô tả đời sống vật chất của người Việt cổ.*

Yêu cầu cần đạt: GV hướng dẫn HS mô tả chi tiết từng hình để nêu được:

+ Người Việt cổ thường ở trong những ngôi nhà sàn mái cong; phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền; nguồn lương thực chính là gạo nếp và gạo tẻ,...

+ Người Việt đã biết để nhiều kiểu tóc như tết tóc đuôi sam, búi tóc hoặc để xoã ngang vai; biết dùng đồ trang sức làm từ nhiều nguyên liệu khác nhau (đá, đồng, vỏ nhuyễn thể). Trang phục phổ biến bấy giờ là nam đóng khố, cởi trần, nữ mặc váy và yếm,...

– GV có thể mở rộng thêm cho HS tìm hiểu về trống đồng Đông Sơn – biểu tượng của nền văn minh Việt cổ bằng các câu hỏi: *Quan sát hình ảnh trống đồng của người Việt cổ, em có nhận xét gì?* (tinh tế, đạt trình độ cao); *Việc tìm thấy trống đồng ở nhiều nước cho thấy điều gì?* (sự ảnh hưởng và lan toả của văn hoá Đông Sơn ra bên ngoài).

+ Để khai thác có hiệu quả nội dung này, GV có thể giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị trước ở nhà để báo cáo/giới thiệu trước lớp về biểu tượng trống đồng Ngọc Lũ – một thành tựu tiêu biểu của văn hoá Đông Sơn và nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.

Yêu cầu cần đạt: HS nhận thức được kĩ thuật luyện kim của người Việt cổ với nghề đúc đồng đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, trở thành biểu tượng của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc (trống đồng Ngọc Lũ, thạp đồng Đào Thịnh).

– GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Những nghề sản xuất chính của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là gì?*

Yêu cầu cần đạt: HS nêu được: Nghề sản xuất chính đó là nông nghiệp trồng lúa nước, hoa màu, trồng dâu và nuôi tằm; luyện kim phát triển với kĩ thuật đúc đồng đạt đến trình độ cao; bước đầu đã biết đến rèn sắt.

Mục b. Đời sống tinh thần

– GV cho HS đọc thông tin, quan sát hình 8 và trả lời câu hỏi: *Nêu những nét chính về đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.*

– GV cho HS mở rộng liên hệ thông qua các câu hỏi như: *Các em biết câu ca dao/truyện thuyết nào nói về trâu cau?* (Yêu nhau cau sáu bồ ba, Ghét nhau cau sáu bồ ba thành mười; Miếng trâu là đầu câu chuyện hoặc Sự tích trâu cau,...); *Ngày Tết chúng ta thường làm những loại bánh gì?* (Bánh chưng, bánh giầy); *Kể một truyền thuyết liên quan đến phong tục của người Việt thời Hùng Vương* (Sự tích trâu cau).

– GV cũng có thể cho HS quan sát lại hình trống đồng Đông Sơn và giải thích ý nghĩa ngôi sao ở giữa mặt trống tượng trưng cho thần Mặt Trời mà người dân Văn Lang tôn thờ.

– GV có thể mở rộng kiến thức để giúp HS nhận biết được: *Những phong tục tập quán của người Việt cổ chịu sự chi phối của những yếu tố nào?* (Đó là: điều kiện tự nhiên – khí hậu, sông nước, kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước, tinh thần cố kết cộng đồng,...).

Yêu cầu cần đạt: HS nêu và lấy được ví dụ cho các ý chính như: tục thờ cúng tổ tiên và thờ các vị thần trong tự nhiên; tục xăm mình, nhuộm răng, ăn trâu,... Đời sống tinh thần khá phong phú, sinh động với nhiều hoạt động ca hát, nhảy múa và những lễ hội mang đậm đặc trưng của kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước.

– Cuối bài nên tổng kết, khái quát lại về thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhấn mạnh những giá trị cốt lõi mà thời Văn Lang – Âu Lạc để lại. Đó là: Tổ quốc, thuật luyện kim, nông nghiệp trồng lúa nước, phong tục tập quán riêng, bài học đầu tiên về công cuộc dựng nước. Chính những giá trị cốt lõi đó đã tạo dựng, hun đúc nên bản sắc, truyền thống, sức mạnh dân tộc, giúp dân tộc ta vượt qua được thử thách khắc nghiệt hơn 1 000 năm bị Bắc thuộc ở thời kì sau.

3. Luyện tập và vận dụng

Câu 1. GV hướng dẫn HS lập bảng theo các tiêu chí đã nêu để tạo cơ sở so sánh hai nhà nước Văn Lang và Âu Lạc.

Câu 2. GV định hướng HS chỉ ra 3 – 5 thành tựu tiêu biểu, có thể là các thành tựu về vật chất, hiện vật cụ thể như: thành cổ Loa, trống đồng Ngọc Lũ, thạp đồng Đào Thịnh,... cũng có thể là các giá trị mang tính trừu tượng, giá trị tinh thần (Tổ quốc, kĩ thuật luyện kim, nghề nông trồng lúa nước,...).

GV hướng dẫn HS lựa chọn một thành tựu mà HS tâm đắc nhất để tìm hiểu thông tin và viết đoạn văn ngắn giới thiệu về thành tựu ấy. Trong đó, cần nêu được: *Thành tựu đó là gì? Thành tựu đó có gì đặc biệt? Sự ảnh hưởng của thành tựu đó đến ngày nay...*

Câu 3. GV giúp HS hiểu được: Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10 – 3 âm lịch hằng năm là sự minh chứng cụ thể cho phong tục thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các vua Hùng đã có công dựng nước. Ý nghĩa của việc làm đó thể hiện rõ đạo lí uống nước nhớ nguồn và tâm thức luôn hướng về nguồn cội của người Việt.

V TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Nền văn minh Việt cổ (còn gọi là nền văn minh sông Hồng) với biểu tượng trống đồng Đông Sơn, thực chất là một nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước dựa trên một

nền tảng cộng đồng xóm làng,... Nền văn minh sông Hồng không những đã vươn tới một trình độ phát triển khá cao, mà còn xác lập được lối sống Việt Nam, truyền thống Việt Nam, đặt cơ sở vững vàng cho toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia – dân tộc sau đó” (Theo Phan Huy Lê (Chủ biên) (2012), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến cuối thế kỉ XIV*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.136).

– Trống đồng Đông Sơn: Về mùa hoá trang trong những ngày lễ hội như hội mùa, thường tổ chức vào mùa thu, mọi người tham gia náo nức, tấp nập. Mỗi tốp múa thường có 3 – 4 người hoặc có khi 6 – 7 người, hoá trang, đầu đội mũ lông chim; có người thổi kèn, có người cầm vũ khí hoặc nhạc cụ. Họ múa theo một động tác thống nhất và thường hoà với tiếng hát ca.

Chính giữa mặt trống đồng là một ngôi sao nhiều cánh tượng trưng cho Mặt Trời. Trống đồng còn được gọi là “trống sấm”, người ta đánh trống đồng để cầu nắng, cầu mưa, những nghi lễ của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước.

Có thể xem trống đồng là biểu tượng tiêu biểu của nền văn minh Việt Cổ. Trống đồng Đông Sơn là sản phẩm của lao động sáng tạo, một tác phẩm nghệ thuật với những hình trang trí phong phú, sinh động, phủ đầy trên mặt trống đồng và tang trống, phản ánh bằng hình ảnh của cuộc sống lao động, những hình thức tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp thời Hùng Vương.

– Nước Âu Lạc: Nhà nước này được thành lập sau lần đoàn kết kháng chiến chống Tần của các bộ lạc Tây Âu và các bộ lạc Lạc Việt, đã trở thành một nước mạnh có quân đội hùng cường “giỏi cung nỏ, thạo thủy chiến”. Kho mũi tên đồng vô cùng lớn về số lượng, những mũi tên tương đối lớn về kích thước (và có những điểm đặc biệt về hình dáng), phát hiện ở Cầu Vực (Khu di tích Cổ Loa) vào năm 1959, là cơ sở tốt để giải thích câu chuyện nỏ thần. Nhiều người chấp thuận ý kiến cho rằng chuyện nỏ thần phản ánh sự xuất hiện, hoặc ít nhất là cải tiến một thứ vũ khí mới lợi hại trong chiến đấu, có tác dụng sát thương cao. Chúng ta cũng không loại trừ khả năng một thứ nỏ máy thô sơ có thể một lúc bắn hàng loạt mũi tên nên truyền thuyết đã cường điệu thành loại nỏ “nhất phát sát vạn nhân” (Theo Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hoá Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, NXB Văn học, Hà Nội, tr.625).